

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY CỦA GIẢNG VIÊN Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG

Phạm Quốc Trường*

TÓM TẮT

Nghiên cứu phân tích, đánh giá về thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy ở trường Đại học Cửu Long. Sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát bằng bảng hỏi đến Cán bộ quản lý, Giảng viên và Sinh viên về các hoạt động giảng dạy tại Trường Đại học Cửu Long. Dữ liệu khảo sát được thống kê, xử lý và phân tích từng hoạt động, qua đó chỉ ra rằng thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên ở Trường Đại học Cửu Long có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Từ đó, đưa ra các biện pháp quản lý hoạt động giảng dạy thích hợp góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

Từ khóa: trường Đại học Cửu Long, thực trạng, quản lý, chất lượng, giảng dạy.

ABSTRACT

This paper analyzed and evaluated the current status of teaching management at Mekong University. A questionnaire was delivered to the managers, lecturers and students to find out their teaching activities at Mekong University. Survey data was analyzed, processed and analyzed one by one to indicate the certain advantages and disadvantages of the current status of teaching management of faculty members at Mekong University. From there, a number of appropriate management measures will be suggested to improve the quality of the training.

Keywords: Mekong University, current status, management, quality, teaching.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục là quốc sách hàng đầu, con người là trọng tâm của sự phát triển đất nước, chính vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực con người. Bước vào thế kỷ 21, với sự phát triển nhảy vọt của khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, vai trò của giáo dục ngày càng trở nên quan trọng. Đặc biệt là Giáo dục đại học có vai trò quan trọng quyết định sự phát triển kinh tế-xã hội của đất

nước trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và xu thế toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ như ngày nay, giáo dục là động lực phát triển và là nhân tố quyết định tương lai của một quốc gia.[1]

Ngày 04/03/2014, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định kèm theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học theo QĐ số 06/VBHN-BGDĐT [2], yêu cầu các đơn vị tiến hành lấy ý kiến về hoạt động giảng dạy của giảng viên thể hiện qua nội dung các tiêu chí 4.3 “Có kế hoạch và phương pháp đánh giá hợp lý các hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng việc triển khai đổi mới phương pháp dạy và học, phương pháp

* Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục, trường Đại học Cửu Long

đánh giá kết quả học tập của người học theo hướng phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và làm việc theo nhóm của người học.” của tiêu chuẩn 4 và tiêu chí 6.9 “Người học được tham gia đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên khi kết thúc môn học, được tham gia đánh giá chất lượng đào tạo của trường đại học trước khi tốt nghiệp.” của tiêu chuẩn 6.

Chất lượng đội ngũ Giảng viên đại học có vai trò quyết định trong việc đảm bảo và nâng cao chất lượng giáo dục. Do vậy việc phát triển đội ngũ Giảng viên đại học là giải pháp trong việc nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Nắm bắt được những điều đó, trong những năm qua, Trường Đại học Cửu Long luôn quán triệt quan điểm “Chất lượng đào tạo là thước đo hàng đầu cho chất lượng giảng dạy của nhà trường”, mà chất lượng đào tạo lại phụ thuộc vào chất lượng của đội ngũ giảng viên. Vì vậy, việc quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên được nhà trường hết sức quan tâm và coi đó là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp chính được sử dụng là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.

- Phiếu khảo sát được phát ra cho cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên đang công tác giảng dạy và học tập tại trường:

+ Nhóm Cán bộ quản lý có 19 người, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban giám hiệu, Trưởng phó các Khoa, Phòng.

+ Nhóm Giảng viên gồm 122 người thuộc các khoa: Khoa Kỹ thuật – Công nghệ, Khoa Khoa học nông nghiệp, Khoa Quản trị kinh doanh, Khoa Kế toán – Tài chính ngân hàng, Khoa Khoa học xã hội và nhân văn, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Khoa học sức khỏe.

+ Nhóm Sinh viên gồm 600 là sinh viên Đại học hệ chính qui.

3. Thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên ở Trường Đại học Cửu Long

3.1. Thực trạng quản lý chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần

Trường Đại học Cửu Long xây dựng chương trình đào tạo theo mẫu phụ lục IV thông tư số: 08/2011/TT-BGDĐT của BGD&ĐT và tham khảo thêm các chương trình đào tạo của một số trường Đại học – Cao đẳng khác.

Đa số CBQL và GV đều cho rằng quản lý chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần được cho là quan trọng ($\bar{X}$ chung cho sự cần thiết là 33.33 %, $\bar{X}$ chung rất cần thiết là 66.67 %). Theo bảng số liệu cho ta thấy việc quản lý chương trình đào tạo, đề cương về mức độ rất cần thiết chiếm tỷ lệ lớn hơn cho các mức độ còn lại.

Xét riêng từng nội dung, chúng tôi nhận thấy rằng:

- Về mức độ cần thiết

Bốn nội dung được đánh giá cao về mức độ rất cần thiết, đó là “Xây dựng chương trình khung và chương trình chi tiết từng môn học” (chiếm 100%), “Xây dựng chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường” (chiếm 94.7 %), “Xây dựng chương trình đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội” (chiếm 84.2%), “Thời lượng của chương trình” (chiếm 68.4%) đánh giá. Hai nội dung còn lại được đánh giá mức cần thiết cũng tương đối cao, đó là: “Cân đối giữa lý thuyết/thực hành” (chiếm 94.7%), “Lịch trình các môn học” (chiếm 52.6%).

- Về mức độ thực hiện

Ba nội dung được đánh giá mức độ thực hiện chỉ đạt kết quả trung bình, đó là: “Xây dựng chương trình đáp ứng nhu cầu thực tế của xã hội” (chiếm 94.7%), “Thời lượng của chương trình” (chiếm 52.6%), “Cân đối giữa lý thuyết/thực hành” (chiếm 84.2%). Các nội dung còn lại chỉ được đánh giá ở mức kết quả đạt khá, đó là: “Xây dựng chương trình khung và chương trình chi tiết từng môn học” (chiếm 89.5%), “Xây dựng chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo của trường” (chiếm 57.9 %), “Lịch trình các môn học” (chiếm 63.2%).

Trong khi đó khảo sát thực trạng về công tác quản lý chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần ở nhóm đối tượng là GV đa số cho rằng công tác quản lý chỉ đạt ở mức trung bình (chiếm 74.6%), và một số đánh giá ở mức độ tốt (chiếm 25.4%)

3.2. Thực trạng quản lý hoạt động của các bộ môn

Quản lý hoạt động Bộ môn được xem là không thể thiếu đối với CBQL, nên tất cả CBQL cho rằng quản lý hoạt động của bộ môn là một phần không thể thiếu trong công tác quản lý của mình. Theo kết quả thăm dò chúng tôi có nhận xét các nội dung quản lý công tác hoạt động của các bộ môn như sau:

- Về mức độ cần thiết

Đa số CBQL đều đánh giá công tác quản lý hoạt động của các bộ môn là cần thiết nên có hai nội dung được đánh giá là rất cần thiết chiếm tỷ lệ cao, đó là: “Xây dựng kế hoạch, nội dung hoạt động bộ môn” (chiếm 94.7%), “Kiểm tra hoạt động bộ môn” (chiếm 89.5%). Không có nội dung nào được đánh giá là ít cần thiết và không cần thiết, còn lại hai nội dung được đánh giá là cần thiết chiếm tỷ lệ khá cao

đó là: “Qui định trách nhiệm rõ ràng giữa các bộ môn” (chiếm 97.7%), “Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của bộ môn: (chiếm 68.4%).

- Về mức độ thực hiện

CBQL đánh giá mức độ thực hiện phản ánh thực tế chưa đạt đến kết quả tốt nhất nhưng cũng nằm ở khoảng kết quả chấp nhận được chủ yếu các nội dung thực hiện ở mức kết quả khá và trung bình. Hai nội dung được đánh giá đạt kết quả khá là: “Qui định trách nhiệm rõ ràng giữa các bộ môn” chiếm 57.9%, “Xây dựng kế hoạch, nội dung hoạt động bộ môn” chiếm 84.2%. Hai nội dung còn lại được đánh giá ở mức kết quả trung bình chiếm hơn 50% ý kiến, đó là: “Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ của bộ môn” chiếm 52,6, “Kiểm tra hoạt động bộ môn” chiếm 94.7%.

Ở nhóm khảo sát giảng viên công tác quản lý hoạt động được đánh giá ở mức bình thường chiếm đa số chiếm 67.2%, một số giảng viên còn cho là yếu ở khâu này chiếm 4.9%, còn lại đánh giá ở mức độ tốt chiếm 27.9%.

3.3. Thực trạng quản lý công tác kiểm tra – đánh giá kết quả hoạt động giảng dạy

Một trong những công tác quản lý không thể thiếu trong quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên là quản lý công tác kiểm tra – đánh giá hoạt động giảng dạy. Kết quả khảo sát về vấn đề này được trình bày qua *bảng 2.13 và bảng 2.14*.

- Về mức độ cần thiết

Đa số CBQL đánh giá cao mức độ cần thiết các nội dung của công tác quản lý này, không có ý kiến nào đánh giá mức độ ít cần thiết hoặc không cần thiết.

Có một nội dung được đánh giá ở mức rất cần thiết rất cao, đó là: “Kiểm tra, đánh giá

ra đề, chấm thi đúng quy chế” chiếm 94.7%, còn lại ba nội dung đánh giá mức cần thiết, đó là: “Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy theo định kỳ” (chiếm 89.5%), “Kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy bằng nhiều hình thức (Dự giờ, lấy ý kiến SV, thi giảng...)” chiếm 57.9%, “Khen thưởng, biểu dương cá nhân xuất sắc trong hoạt động giảng dạy và chống tiêu cực” chiếm 84.2%.

- Về mức độ thực hiện

Ở mức độ thực hiện ý kiến đánh giá ở công tác quản lý này chủ yếu ở mức trung bình gồm ba nội dung: “Lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá hoạt động giảng dạy theo định kỳ” chiếm 52.6%, “Kiểm tra, đánh giá HĐGD bằng nhiều hình thức (Dự giờ, lấy ý kiến SV, thi giảng...)” chiếm 78.9%, “Khen thưởng, biểu dương cá nhân xuất sắc trong hoạt động GD và chống tiêu cực” chiếm 94.7%, có một nội dung được đánh giá thực hiện đạt kết quả khá là: “Kiểm tra, đánh giá ra đề, chấm thi đúng quy chế” chiếm 84.2%.

Ở nhóm giảng viên cho biết nội dung quản lý công tác này chỉ đạt ở mức trung bình chiếm 73% đánh giá tốt chiếm 18%, thậm chí còn có ý kiến cho là nhiều yếu kém chiếm 9% ý kiến đánh giá.

3.4. Thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên

3.4.1. Thực trạng quản lý hoạt động chuẩn bị lên lớp và lên lớp của giảng viên

- Quản lý hoạt động chuẩn bị lên lớp và lên lớp của giảng viên của nhóm đối tượng CBQL được chúng tôi đánh giá như sau:

- Về mức độ cần thiết

Việc quản lý hoạt động chuẩn bị lên lớp của giảng viên đều được đánh giá cao ở mức

độ cần thiết ở nhóm CBQL ($\bar{X}$ cho mức độ cần thiết là 58.88%, rất cần thiết là 42.12%). Những công tác quản lý được đa số đánh giá cao phải kể đến là: “Quản lý kế hoạch giảng dạy (lịch trình, nội dung, hình thức kiểm tra-đánh giá...)” rất cần thiết chiếm 63.2%, các nội dung còn lại cũng được đánh giá tập trung ở mức cần thiết như: “Quản lý lịch trình lên lớp theo thời khóa biểu” chiếm 57.9%, “Quản lý đề cương bài giảng (kiến thức, kỹ năng đáp ứng mục tiêu, câu hỏi kiểm tra...)” (chiếm 56.6%), “Quản lý tổ chức dự giờ, thao giảng trong bộ môn” chiếm 84.2%.

- Về mức độ thực hiện

Việc quản lý hoạt động chuẩn bị lên lớp của giảng viên được đánh giá khiêm tốn hơn đạt ở mức trung bình và khá chiếm phần lớn đánh giá ở nhóm CBQL ($\bar{X}$ cho kết quả trung bình là 60.55%, kết quả tốt là 32.87% và tốt chỉ có 6.58% đánh giá).

Đa số các nội dung thực hiện công tác quản lý đều được đánh giá kết quả trung bình và khá chiếm phần lớn ý kiến.

Có 2 nội dung được đánh giá kết quả từ khá đến tốt là: “Quản lý kế hoạch giảng dạy (lịch trình, nội dung, hình thức kiểm tra-đánh giá...)” và “Quản lý lịch trình lên lớp theo thời khóa biểu” chiếm 52.6%. Các nội dung còn lại tập trung ở kết quả trung bình: “Quản lý đề cương bài giảng (kiến thức, kỹ năng đáp ứng mục tiêu, câu hỏi kiểm tra...)” chiếm 57.9%, kết quả khá chiếm 42.1%, “Quản lý tổ chức dự giờ, thao giảng trong bộ môn” kết quả trung bình chiếm 89.5% và kết quả khá chiếm 10.5%.

3.4.2. Thực trạng quản lý đổi mới phương pháp giảng dạy

Đào tạo theo học chế tín chỉ là phương thức đào tạo hiện đại tạo thuận lợi cho sinh viên

tích lũy kiến thức, học vượt, liên thông đào tạo với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước. Với phương thức đào tạo này đòi hỏi phải đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp với tình hình mới. Chúng tôi tiến hành khảo sát công tác quản lý đổi mới phương pháp giảng dạy như sau:

- Về mức độ cần thiết

Công tác quản lý đổi mới phương pháp dạy học được đa số CBQL cho rằng thật sự cần thiết ($\bar{X}$ rất cần thiết chiếm 34.76%, cần thiết 65.24%). Trong đó các nội dung: “Bồi dưỡng, hội thảo về xu hướng đổi mới phương pháp giảng dạy cho GV”, “Tổ chức hội thảo về đổi mới phương pháp dạy học đại học”, “Chỉ đạo khoa/bộ môn, GV trong việc đổi mới phương pháp dạy học”, “Kiểm tra – đánh giá công tác đổi mới phương pháp dạy học” đều được nhiều ý kiến đồng tình.

- Về mức độ thực hiện

Ở nhóm đối tượng CBQL mức độ thực hiện quản lý công tác đổi mới phương pháp giảng dạy chỉ được đánh giá ở mức trung bình khá ($\bar{X}$ kết quả trung bình là 65.28%, kết quả khá là 34.72%). Điều này chứng tỏ công tác quản lý này thực hiện chưa tốt nên kết quả đạt không cao. Trong đó, các nội dung: “Bồi dưỡng, hội thảo về xu hướng đổi mới phương pháp giảng dạy cho GV” kết quả khá 42.1% và “Chỉ đạo khoa/bộ môn, GV trong việc đổi mới phương pháp dạy học” kết quả khá 52.6% được đánh giá thực hiện nhiều hơn các nội dung khác.

- Về nhóm đối tượng giảng viên

Nhìn vào bảng thống kê ta thấy mức độ thực hiện công tác quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên đánh giá chưa cao nằm ở mức bình thường chiếm tới 63.9 %, tốt chỉ

đạt 15.6%, thậm chí yếu kém chiếm 20.5%. Từ đó, cho thấy hoạt động quản lý hoạt động giảng dạy chưa được triển khai tốt của cấp độ giảng viên.

3.5. Thực trạng quản lý cơ sở vật chất – thiết bị hỗ trợ giảng dạy

Quản lý hiệu quả cơ sở vật chất – thiết bị hỗ trợ giảng dạy gián tiếp nâng cao chất lượng giảng dạy của nhà Trường. Kết quả thăm dò ở bảng 2.18 chúng tôi nhận xét.

- Về mức độ cần thiết

Các công tác quản lý cơ sở vật chất – thiết bị hỗ trợ giảng dạy được đại đa số CBQL đồng tình, chấp nhận ở mức cao và rất cao ($\bar{X}$ rất cần thiết 49.46 %, $\bar{X}$ cần thiết 46.34%). Trong đó các nội dung được đánh giá rất cần thiết là: “Lập kế hoạch bảo trì, bổ sung trang thiết bị định kỳ theo nhu cầu.” chiếm 89.5%, “Trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, máy chiếu phục vụ giảng dạy hiệu quả.” chiếm 78.9%. Các nội dung: “Trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho thư viện.”, “Tổ chức tập huấn sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học mới.”, “Kiểm tra việc sử dụng, bảo quản CSVC- TBDH.” được đánh giá ở mức cần thiết chiếm đa số đánh giá, riêng nội dung dung: “Tổ chức tập huấn sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học mới.” có 21% cho rằng ít cần thiết.

- Về mức độ thực hiện

Nội dung được thực hiện có kết quả tốt nhất đó là: “Trang bị đầy đủ hệ thống âm thanh, máy chiếu phục vụ giảng dạy hiệu quả” chiếm 73.7% ý kiến đồng tình. Các nội dung còn lại đều có kết quả ở mức trung bình và khá: “Lập kế hoạch bảo trì, bổ sung trang thiết bị định kỳ theo nhu cầu”, “Trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo cho thư viện”, “Tổ chức tập huấn sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy

học mới”, “Kiểm tra việc sử dụng, bảo quản CSVC- Thiết bị dạy học”.

Nhóm đối tượng giảng viên

Với quy mô đào tạo của nhà trường hiện nay so với cơ sở vật chất–thiết bị hỗ trợ giảng dạy chưa đáp ứng và phục vụ tốt nhu cầu hoạt động dạy và học nên hầu hết giảng viên đánh giá ở mức bình thường và một số ít đánh giá tốt, thậm chí có 9.8% đánh giá là hoạt động quản lý cơ sở vật chất–thiết bị hỗ trợ giảng dạy còn yếu kém.

4. KẾT LUẬN

Qua kết quả điều tra, khảo sát trung cầu ý kiến, thực tế công tác quản lý hoạt động giảng dạy của giảng viên ở Trường Đại học Cửu Long gồm có những ưu điểm, tồn tại hạn chế như sau:

Ưu điểm

Với phương châm lấy uy tín chất lượng đào tạo làm thước đo, tất cả lãnh đạo, CBQL, GV của nhà Trường đều quan tâm đến công tác quản lý hoạt động giảng dạy với tinh thần nhận thức cao nhằm nâng cao chất lượng đào tạo Trường Đại học Cửu Long và đã có được những ưu điểm sau:

- Các công tác quản lý hoạt động giảng dạy đều được nhà trường, các cấp lãnh đạo, CBQL triển khai đầy đủ đến tất cả giảng viên.

- Đội ngũ giảng viên còn trẻ, năng động, sáng tạo trong công tác tiếp thu đổi mới phương pháp giảng dạy.

- Sự phối hợp các khoa/phòng chức năng rất tích cực trong hoạt động đào tạo và giảng dạy.

- Kết quả phiếu khảo sát được lãnh đạo, CBQL, GV, SV nhiệt tình đánh giá chân thực.

Tồn tại, hạn chế

Qua các phiếu khảo sát, kế hoạch – tổ chức nếu là các biện pháp không thể thiếu đối với việc quản lý thì công tác quản lý lại ít chú tâm thực hiện những kế hoạch mang tính đột phá mới mẻ nhằm đẩy mạnh chất lượng đào tạo và nâng cao trình độ giảng viên nhất là đất nước trong giai đoạn đổi mới, phát triển, hội nhập sâu rộng với thế giới; thêm vào đó là sự cạnh tranh rất gay gắt giữa các trường đại học là sự sống còn, là thương hiệu riêng của mỗi trường để tồn tại và phát triển.

Những tồn tại, hạn chế từ khảo sát thực trạng cho thấy: Chưa nhận thức đầy đủ hiệu quả đem lại của quản lý. Chưa quan tâm đúng mức về nội dung của CTĐT. Đổi mới phương pháp giảng dạy chưa hiệu quả, chưa đồng đều ở các Khoa và Bộ môn, còn mang tính hình thức. Công tác kiểm tra đánh giá kết quả hoạt động giảng dạy còn đơn điệu, qua loa, chưa tạo được liều thuốc kích thích, chưa tạo được động lực để GV phát huy hết năng lực của mình. Thiếu phối hợp với nhà trường để tổ chức tập huấn sử dụng các thiết bị hiện đại một cách thiết thực và hiệu quả trong hoạt động giảng dạy. Hoạt động của khoa/bộ môn chỉ là phân công GV giảng dạy, hoạt động có tính chất hành chính thiếu các hoạt động mang tính khoa học, học thuật vốn là nhiệm vụ của khoa/bộ môn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW, *Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo*, ngày 4/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI.
2. Quyết định số 06/VBHN-BGDDT, *Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học*, ngày 04/03/2014.

Ngày nhận bài: 14/6/2018

Ngày gửi phản biện: 28/6/2018